

Bản án số: 01/2024/KDTM-ST

Ngày: 04-01-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Thiện;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa: Bà Lâm Phương Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2023/TLST-KDTM ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh phân bón BĐ II (Công ty BĐ II); địa chỉ: Số 30 Đ, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc P – chức vụ: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh phân bón BĐ II.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Quản Đình G, sinh năm 1963; chỗ ở hiện nay: Căn hộ TB2.15.05 Chung cư B, số 104 P, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp PN (HTX PN); địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh – Chủ tịch Hội đồng quản trị Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp PN. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lâm Thị C, chức vụ: Giám đốc Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp PN. Địa chỉ: ấp P, xã N, huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 25-9-2023, quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn và người đại diện thống nhất trình bày:

Công ty BÐ II và Hợp tác xã PN có ký kết hợp đồng mua bán phân bón ngày 01/01/2021. Quá trình thực hiện hợp đồng hợp tác xã đã không thanh toán tiền hàng cho cty, theo biên bản đối chiếu công nợ và biên bản tính lãi suất chậm trả đến ngày 15/9/2023 hợp tác xã còn nợ công ty số tiền 1.259.977.623 đồng trong đó tiền nợ gốc 1.042.603.693 đồng và tiền lãi chậm trả là 217.373.930 đồng.

Nay Công ty BÐ II yêu cầu Tòa án buộc HTX PN phải thanh toán cho Công ty BÐ II số tiền hàng còn nợ đến ngày 15-9-2023 là 1.259.977.623 (Một tỷ, hai trăm năm mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn, sáu trăm hai mươi ba) đồng. Trong đó tiền hàng gốc là 1.042.603.693 đồng và tiền lãi chậm trả 217.373.930 đồng. Công ty không tính thêm lãi suất chậm trả của số tiền nợ gốc kể từ ngày 16/9/2023 cho đến trước ngày liền kề ngày Tòa án ra quyết định, bản án có hiệu lực. Lãi chậm trả được tính ngày liền kề từ ngày Tòa án ra bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của Bị đơn – Ông Phạm Văn N trình bày:

Hiện nay HTX PN vẫn hoạt động bình thường. Ông N là Chủ tịch Hội đồng quản trị, ông xác định yêu cầu khởi kiện của Công ty BÐ II là đúng. Ông N có văn bản ủy quyền cho bà Lâm Thị C là Giám đốc HTX PN được toàn quyền quyết định và ký kết hợp đồng mua bán với Công ty BÐ II, các chứng từ mua bán ông N có biết nhưng trong quá trình thực hiện việc ủy quyền thì bà Có không báo cáo, gây nợ nần lây danh nghĩa Hợp tác xã PN.

Nay ông N xác nhận hiện nay HTX PN còn nợ Công ty BÐ II số tiền nợ gốc 1.042.603.693 đồng và lãi 217.373.930 đồng, ông N xin thời gian để tìm bà Có trao đổi giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lâm Thị C đã được toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, không trình bày ý kiến;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dương Minh Châu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt nên toà án tiến hành xét xử là phù hợp quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh phân bón BĐ II đối với Hợp Tác Xã Dịch Vụ Nông nghiệp PN về tranh chấp hợp đồng mua bán. Buộc HTX PN có trách nhiệm trả cho Công ty BĐ II số tiền 1.259.977.623 đồng, trong đó nợ gốc 1.042.603.693 đồng và lãi 217.373.930 đồng.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung: HTX PN và Công ty BĐ II có ký kết Hợp đồng mua bán phân bón số BDIIGD-2101028, ngày 01/01/2021 có chữ ký xác nhận của bà Lâm Thị C, có dấu mộc của HTX PN. Trong quá trình giải quyết vụ án - ông N là Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của HTX PN thừa nhận ông có văn bản ủy quyền cho bà Lâm Thị C – Giám đốc được toàn quyền quyết định và ký kết hợp đồng mua bán với Công ty BĐ II, các chứng từ mua bán ông N có biết. Ông N xác nhận hiện nay HTX PN còn nợ công ty BĐ II số tiền hàng bao gồm nợ gốc 1.042.603.693 đồng và lãi 217.373.930 đồng.

[3] Xét chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm hợp đồng mua bán, chứng từ thanh toán, đối chiếu công nợ do bà Lâm Thị C ký xác nhận có dấu mộc của HTX PN và lời trình bày xác nhận của ông Phạm Văn N có đủ cơ sở để xác định HTX PN có nợ của công ty BĐ II số tiền nợ gốc 1.042.603.693 đồng và lãi 217.373.930 đồng. Do đó yêu cầu khởi kiện của Công ty BĐ II là có căn cứ chấp nhận. Ghi nhận Công ty BĐ II không tính thêm lãi suất chậm trả của số tiền nợ gốc kể từ ngày 16/9/2023 cho đến nay.

[4] Việc ông Phạm Văn N cho rằng bà Lâm Thị C trong quá trình thực hiện hợp đồng với Công ty BĐ II không báo cáo, gây nợ nần lấy danh nghĩa Hợp tác xã, nếu có tranh chấp ông N có thể khởi kiện bà C có trong vụ án khác.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: HTX PN phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 24, 50, 55, 306 Luật thương mại;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh phân bón BĐ II đối với Hợp Tác Xã Dịch Vụ Nông nghiệp PN.

Buộc Hợp Tác Xã Dịch Vụ Nông nghiệp PN có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh phân bón BĐ II số tiền 1.259.977.623 (Một tỷ, hai trăm năm mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn, sáu trăm hai mươi ba) đồng; trong đó tiền gốc là 1.042.603.693 đồng và tiền lãi chậm trả 217.373.930 đồng.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Hợp Tác Xã Dịch Vụ Nông nghiệp PN phải chịu 49.799.000 đồng tiền án phí.

Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh phân bón BĐ II không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả lại cho Công ty BĐ II số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.899.665 đồng theo biên lai thu số 0013995 ngày 10/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

4. Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND Huyện DMC;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Lắm